TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **38**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-3-2018
V/v "Tranh chấp về ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Thanh Liêm

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Nguyễn Thị Vạn**

2/ Bà **Nguyễn Thị Nguyên**

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: *Ông* ***Lê Khắc Tuấn*** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: không có

Ngày 28 tháng 3 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 1127/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017, về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018, giữa:

1/ Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: đường A, xã B, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bị đơn: Ông **Ngô Duy T**, sinh năm 1975 (Có mặt)

Địa chỉ: đường A, xã B, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà và ông Ngô Duy T chung sống với nhau có đăng ký Giấy kết hôn số 29 ngày 17 tháng 11 năm 2000 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Do bất đồng quan điểm nên cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, mầu thuẫn trần trọng không thể hàn gắn. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Ngô Duy T.

Về con chung: Có hai con chung là Ngô Thị H, sinh ngày 09/9/2001 và Ngô Quang P, sinh ngày 13/7/2007. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc hai con con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 500.000 (Năm trăm ngàn) đồng/01 con.

Về tài sản chung: Ngày 15/01/2018 bà Nguyễn Thị D có Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Ngô Duy T trình bày:

Ông xác nhận lời trình bày về tình trạng hôn nhân của bà D là đúng. Bà D yêu cầu ly hôn vì ông làm ăn kinh doanh thua lỗ nên ông không đồng ý ly hôn vì không có mâu thuẫn. Ông đã sống ly thân gần 02 tháng.

Về con chung: Có hai con chung là Ngô Thị H, sinh ngày 09/9/2001 và Ngô Quang P, sinh ngày 13/7/2007. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông yêu cầu được quyền nuôi dưỡng Ngô Quang P, sinh ngày 13/7/2007 và bà D được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc Ngô Thị H, sinh ngày 09/9/2001.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị D nộp đơn xin ly hôn đối với ông Ngô Duy T. Ông Ngô Duy T hiện đang cư trú tại xã B, huyện C. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản

1 Điều 33, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị D, Hội đồng xét xử nhận thấy bà D và ông T chung sống có giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 17 tháng 11 năm 2000 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình cấp nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy quá trình chung sống với nhau hai bên phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được và ông T đã sống ly thân gần hai tháng nên yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị D có cơ sở chấp nhận được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Ngô Duy T có hai con chung là Ngô Thị H, sinh ngày 09/9/2001 và Ngô Quang P, sinh ngày 13/7/2007. Bà D đồng ý giao một con chung là trẻ Ngô Quang P, sinh ngày 13/7/2007 cho ông T được quyền nuôi dưỡng và chăm sóc. Bà D nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ Ngô Thị H, sinh ngày 09/9/2001 theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Bà Nguyễn Thị D và ông Ngô Duy T có quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 82; 83; 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị D đã rút yêu cầu chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị D chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 33, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.

Xử:

1/ Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Ngô Duy T.

2/ Về con chung: Giao cho ông Ngô Duy T được quyền nuôi dưỡng và chăm sóc một con chung là trẻ Ngô Quang P, sinh ngày 13/7/2007 cho đến khi trưởng thành. Bà Nguyễn Thị D được quyền nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ Ngô Thị H, sinh ngày 09/9/2001 cho đến khi trưởng thành.

Bà Nguyễn Thị D và ông Ngô Duy T có quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 82; 83; 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

4/ Về tài sản chung: đã rút yêu cầu chia tài sản chung và không yêu cầu Toà án giải quyết.

5/ Về nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

6/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị D chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà D đã nộp 41.300.000 (Bốn mươi mốt triệu bà trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0030434 ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Bà Nguyễn Thị D được nhận lại 41.000.000 (Bốn mươi mốt triệu) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7/ Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-VKSND cùng cấp;
-Thi hành án dân sự H.BC;
- UBND xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Tô Thanh Liêm